**BÀI 8. DỊCH VỤ**

*Thời gian thực hiện dự kiến: 2 tiết*

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: tự thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với bạn trong thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong học tập.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức khoa học Địa lí:

+ Phân tích được ảnh hưởng của các nhân tố đến đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.

+ Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính.

+ Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông.

- Tìm hiểu địa lí: đọc bản đồ để rút ra các thông tin theo yêu cầu.

**2. Phẩm chất**

Có trách nhiệm với các điều kiện tác động đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Máy tính, máy chiếu, thiết bị điện tử kết nối internet (nếu có),...

- Bản đồ mạng lưới giao thông Việt Nam.

- Bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh,... có nội dung liên quan.

- SGK Lịch sử và Địa lí 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

**2. Học sinh**

SGK Lịch sử và Địa lí 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động: Mở đầu (5 phút)

*a.*  *Mục đích:*

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

*b. Cách thực hiện:*

**Bước 1**: Giao nhiệm vụ: Giáo viên giới thiệu ngành dịch vụ ở nước ta thông qua đoạn video ngắn và đặt câu hỏi liên quan đến bài học : “Em biết gì về ngành dịch vụ ở nước ta? Kể tên một số ngành dịch vụ mà em biết?”

<https://www.youtube.com/watch?v=jucFjw-ne40>

**Bước 2**: HS xem video.

**Bước 3**: Gọi HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét và bổ sung.

**Bước 4**: GVnhận xét, dẫn dắt vào bài:

**2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới**

2.1 Nội dung 1: Tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ

*a. Mục tiêu*

Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.

*b. Cách thực hiện:*

**– Bước 1:**

+ GV yêu cầu HS đọc thông tin mục *Em có biết* và nội dung mục 1. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ. Thảo luận nhóm hoàn thành PHT sau. (4 nhóm)

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| *1. Dịch vụ là gì? Dịch vụ gồm những ngành nào?* |  |
| *2. Kể tên các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ?* |  |
| *3. Phân tích vai trò của một nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ mà em quan tâm nhất.* |  |

+ GV phát PHT cho HS theo từng nhóm. Quy định thời gian làm việc nhóm 7 phút. Trong đó 2 phút HS suy nhĩ cá nhân phác thảo các ý trả lời, 5 phút thống nhất ý kiến các thành viên và hoàn thành PHT.

**- Bước 2**: HS phân công nhóm trưởng, thư kí và tiến hành đọc tài liệu, làm việc cá nhân, nhóm. GV quan sát hỗ trợ HS khi cần.

**- Bước 3:** Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm học tập của nhóm mình. HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4:** GV chính xác hoá thông tin, lưu ý HS sử dụng đúng tên các nhân tố. GV đánh giá quá trình làm việc của HS.

|  |
| --- |
| **1. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ**  - Sự phát triển kinh tế có ảnh hưởng quyết định.  - Dân cư, lao động tạo thị trường, cung cấp lao động.  - Vốn góp phần nâng cao chất lượng, hiện đại hoá.  - Cơ sở hạ tầng tạo điều kiện thu hút đầu tư, nâng cao chất lượng.  - Chính sách giúp định hướng, tạo cơ hội phát triển.  - Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên tạo tiền đề phát triển dịch vụ. |

\* Luyện tập tiết 1: Yêu cầu HS vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ vào vở

**Tiết 2**

**2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu một số ngành dịch vụ**

**2.2.a) Tìm hiểu ngành giao thông vận tải**

*a. Mục tiêu*

Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính.

*b. Cách thực hiện:*

**Bước 1:** GV yêu cẩu HS quan sát kĩ bản đồ mạng lưới đường giao thông và xác định các đối tượng theo yêu cẩu sau:

+ Tuyến đường ô tô, đường sắt: tên tuyến đường, điểm bắt đầu, kết thúc, đi qua các vùng, thành phố lớn nào, kết nối với cảng biển, cảng hàng không nào?

+ Cảng biển, cảng hàng không: tên cảng, vị trí, vai trò đối với kinh tế khu vực.

**Bước 2:** HS làm việc cá nhân, tìm hiểu và viết vào vở.

**Bước 3:** Một số HS lên chỉ trên bản đồ treo tường hoặc trên slide *PowerPoint*. HS khác bổ sung, góp ý.

**Bước 4:** GV nhận xét, đánh giá, hướng dẫn lại cách chỉ đối tượng địa lí trên bản đồ (nếu cần).

|  |
| --- |
| 1. **Một số ngành dịch vụ**   **a. Giao thông vận tải**   * + Đường ô tô: quốc lộ 1 chạy theo hướng bắc – nam, dọc theo chiều dài đất nước. Quốc lộ 1 kéo dài từ Lạng Sơn đến Cà Mau.   + Đường sắt: Đường sắt Thống Nhất chạy gần như song song với quốc lộ 1, kéo dài từ Hà Nội đến Thành phố Hồ Chí Minh.   + Cảng biển: Hải Phòng (thành phố Hải Phòng), Đà Nẵng (thành phố Đà Nẵng), Bà Rịa – Vũng Tàu (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu),...   + Cảng hàng không: Nội Bài (Hà Nội), Đà Nẵng (Đà Nẵng), Tân Sơn Nhất (Thành phố Hồ Chí Minh). |

Lưu ý: Hoạt động này nhằm rèn luyện kĩ năng làm việc với bản đồ cho HS. GV nên yêu cầu HS xác định các tuyến đường, vị trí cảng và khả năng kểt nối các vùng, địa phương và quốc tế, khả năng kết hợp với các loại hình giao thông khác.

**2.2.b) Tìm hiểu hoạt động hưu chính viễn thông**

*a.* *Mục tiêu*

Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông.

*b. Cách thực hiện:*

**Bước 1:** GV yêu cầu HS dựa kênh chữ mục II kết hợp vốn hiểu biết trả lời các câu hỏi

Bàn 1, 2:

- Những dịch vụ cơ bản của bưu chính, viễn thông ?

- Những tiến bộ của bưu chính, viễn thông hiện tại?

Bàn 3, 4:

- Tác động của phát triển mạng điện thoại đến đời sống và kinh tế xã hội?

Bàn 5,6:

- Internet tác động như thế nào đến đời sống kinh tế xã hội?

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc ghi vào giấy nháp, GV phải quan sát theo dõi.

**Bước 3:** HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét và bổ sung đáp án.

**Bước 4:** GV nhận xét, chuẩn kiến thức

|  |
| --- |
| **b. Bưu chính viễn thông**   * + Thành tựu: phát triển nhanh, liên tục.   + Hiện trạng phát triển: hoạt động hiệu quả hơn, mang lại giá trị kinh tế – xã hội lớn; dẫn đầu xu hướng số hoá và hiện đại hoá trên cả nước.   + Phân bố: mạng lưới bưu chính viễn thông phủ khắp cả nước; hình thành 2 trung tâm bưu chính viễn thông lớn là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. |

**3. Hoạt động: Luyện tập (7 phút)**

*a. Mục đích:*

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

*b. Cách thực hiện:*

**Bước 1**: GV cho HS nghe câu hỏi và trả lời:

1. Em đã từng tham gia những loại hình giao thông vận tải nào? Loại hình giao thông vận tải nào em thích nhất? Vì sao

2. Bài tập trắc nghiệm

**Câu 1.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành hàng không của nước ta hiện nay?

A. Cơ sở vật chất hiện đại hóa nhanh chóng.

B. Ngành non trẻ nhưng phát triển rất nhanh.

C. Mở nhiều đường bay thẳng đến các nước.

**D. Vận chuyển khối lượng hàng hóa lớn nhất.**

**Câu 2.** Tuyến đường sắt nào đóng vai trò quan trọng nhất nước ta?

A. Đường sắt Hà Nội – Hải Phòng.

B. Đường sắt Hà Nội – Lào Cai.

**C. Đường sắt Thống Nhất.**

D. Đường sắt Hà Nội – Đà Nẵng.

**Câu 3.** Năm 2021, Việt Nam đã phóng lên không gian bao nhiêu trạm thông tin vệ tinh?

A. 2 trạm.

**B. 6 trạm.**

C. 7 trạm.

D. 9 trạm.

**Câu 4:** Hai trung tâm bưu chính viễn thông nào sau đây phát triển nhất cả nước?

A. Hà Nội và Hải Phòng.

B. Đà Lạt và Nghệ An.

C. Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

D. Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.

**Câu 5:** Loại hình giao thông nào đóng vai trò quan trọng nhất nước ta?

A. Đường sắt.

B. Đường biển.

**C. Đường ô tô.**

D. Đường hàng không.

**Câu 6:** Phát biểu nào sau đây**không** đúng về giao thông vận tải đường ô tô nước ta?

A. Mạng lưới ngày càng được mở rộng và hiện đại hóa.

B. Huy động được các nguồn vốn và tập trung đầu tư.

C. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

**D. Chưa kết nối vào hệ thống đường bộ trong khu vực.**

**Câu 7:** Phát biểu nào sau đây**không** đúng với ý nghĩa của quốc lộ 1 ở nước ta?

A. Kết nối hầu hết các vùng kinh tế.

**B. Tạo thuận lợi giao lưu Đông - Tây.**

C. Tạo thuận lợi giao lưu Bắc - Nam.

D. Thúc đẩy nhiều đô thị lớn phát triển.

**Câu 8:** Tuyến đường nào được xem là xương sống của cả hệ thống đường bộ nước ta?

**A. Quốc lộ 1.**

B. Đường Hồ Chí Minh.

C. Đường 14.

D. Đường 9.

**Câu 9:** Đặc điểm nổi bật của ngành bưu chính nước ta là gì?

A. Mạng lưới phân bố đều khắp ở các vùng.

**B. Tính phục vụ cao, mạng lưới rộng khắp.**

C. Có trình độ kĩ thuật - công nghệ hiện đại.

D. Đã ngang bằng trình độ chuẩn của khu vực.

**Câu 10:** Những khó khăn nào làm tăng chi phí xây dựng và bảo dưỡng mạng lưới giao thông vận tải ở nước ta?

A. Khí hậu nhiệt đới nóng quanh năm, có một số sông lớn.

**B. Địa hình nhiều đồi núi, có khí hậu phân hóa theo mùa.**

C. Thiếu vốn đầu tư, cơ sở vật chất kĩ thuật còn yếu kém.

D. Đội ngũ công nhân kĩ thuật chưa thể đáp ứng nhu cầu.

**Bước 2:** HS có 1 phút suy nghĩ.

**Bước 3:** GV mời đại diện HS trả lời. Các HS khác nhận xét và bổ sung.

**Bước 4:** GV nhận xét, chuẩn kiến thức

**4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)**

*a. Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về bưu chính viễn thông

*b. Cách thực hiện:*

**Bước 1:** GV giao nhiệm vụ: Qua tìm hiểu thực tế, em hãy phân tích những tác động tích cực và tiêu cực của mạng Internet đến cuộc sống hiện nay. Liên hệ bản thân.

**Bước 2**: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

**Bước 3:** GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét

\* Hướng dẫn về nhà: - Hoàn thành nội dung bài tập về nhà.

- Chuẩn bị bài 10: Thực hành: Tìm hiểu xu hướng phát triển ngành thương mại, du lịch.